

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSDP QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện Quý II năm 2026	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	316,536	78,142	24.7	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	316,536	78,142	24.7	
1	Thu NSDP hưởng 100%	4,202	516	12.3	
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	85,092	13,190	15.5	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	227,242	64,436	28.4	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	224,242	56,058	25.0	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	3,000	8,378	279.3	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-		-	
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-		-	
B	TỔNG CHI NSDP	316,536	75,328	23.8	
I	Chi cân đối NSDP	313,536	75,328	24.0	
1	Chi đầu tư phát triển	69,440	22,006	31.7	
2	Chi thường xuyên	237,676	53,322	22.4	
3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
4	Dự phòng NSNN	6,420		-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	3,000		0.0	
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao		Thực hiện Quý II năm 2026		Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Dự toán tổng thu NSNN	Dự toán tổng thu NSDP
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	562,692	316,536	84,349	78,142	15.0	24.7
I	Thu nội địa	335,450	89,294	19,913	13,706	5.9	15.3
1	Thu DNNN Trung ương			306			
2	Thu DNNN địa phương	680		301	301	44.2	
3	Thu DN có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thuế CTN - ngoài quốc doanh	16,740	16,740	10,615	9,313	63.4	55.6
5	Thuế thu nhập cá nhân	10,100	9,800	1,693	1,742	16.8	17.8
6	Thu thuế bảo vệ môi trường						
7	Lệ phí trước bạ	10,900	2,940	1,870	303	17.2	10.3
8	Các loại phí, lệ phí	400	400	142	77	35.5	19.2
9	Các khoản thu về nhà, đất	291,840	58,874	4,759	1,899	1.6	3.2
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>					-	
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	320	322	65	65	20.4	20.3
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	1,520	752	902	383	59.4	51.0
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	290,000	57,800	3,792	1,450	1.3	2.5
-	<i>Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>					-	
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
11	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
12	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	240	240			-	
13	Thu khác ngân sách	4,550	300	227	71	5.0	23.8
14	Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và LNST NSDP hưởng 100%						
II	Thu từ dầu thô						
III	Tổng thu từ hoạt động XNK						
IV	Thu viện trợ						
V	Các khoản huy động, đóng góp					-	
VI	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	227,242	227,242	64,436	64,436	28.4	28.4
1	Bổ sung cân đối	224,242	224,242	56,058	56,058	25.0	25.0
2	Bổ sung có mục tiêu	3,000	3,000	8,378	8,378	279.3	279.3

STT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao		Thực hiện Quý II năm 2026		Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
		Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSDP	Dự toán tổng thu NSNN	Dự toán tổng thu NSDP
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3/1</i>	<i>6=4/2</i>

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ II NĂM 2026

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện Quý II năm 2026	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>l</i>	<i>2</i>	<i>3=2/l</i>	<i>4</i>
	TỔNG CHI NSDP (A+B)	316,536	75,328	23.80	
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	316,536	75,328	23.80	
I	Chi đầu tư phát triển	69,440	22,006	31.69	
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	69,440	22,006	31.69	
2	Cho đầu tư, hỗ trợ vốn cho các quỹ và đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	237,676	53,322	22.43	
1	Chi quốc phòng và an ninh	5,788	1,149	19.86	
2	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	135,760	28,505	21.00	
3	Chi khoa học công nghệ	700		-	
4	Chi y tế, dân số và gia đình	7,703	2,046	26.56	
5	Chi văn hoá thông tin	2,870	528	18.41	
6	Chi phát thanh truyền hình	1,927	181	9.38	
7	Chi thể dục thể thao	661	156	23.60	
8	Chi bảo vệ môi trường	6,183	1,828	29.56	
9	Chi các hoạt động kinh tế	7,434	763	10.26	
10	Chi quản lý nhà nước, đảng và đoàn thể	34,693	9,051	26.09	
11	Chi đảm bảo xã hội	32,775	9,115	27.81	
12	Chi khác ngân sách	1,182		-	
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
IV	Dự phòng ngân sách	6,420	-		
V	Chi trả nợ lãi vay				
VI	Chi nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu	3,000			
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP				

TT	Nội dung	Dự toán HĐND xã giao	Thực hiện Quý II năm 2026	Tỷ lệ (%) thực hiện so với	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3=2/1</i>	<i>4</i>

Ghi chú:

Chi NSDP bao gồm cả chi từ nguồn được chuyển từ năm 2024 sang năm 2025 theo quy định.